

QUẢNG TRỊ, KHE SANH, NHỮNG NGƯỜI CHIẾN SĨ VÔ DANH

Những ngày cuối tháng 4 năm 2005, tôi đến Cổ thành Quảng Trị.



Từ hướng Nam, tôi đi trên con đường tráng nhựa mà ba mươi ba năm trước, các nhà báo gọi nó là Đại Lộ Kinh Hoàng. Nơi đây cách thị xã Quảng Trị 10 cây số. Bên trái con đường là bãi cát trắng lẫn với màu đất đen. Những cụm nhà mái tôn rải rác bên đường dưới ánh nắng gần trưa. Không một bóng người. Bên phải con đường là bãi cát vàng khô khốc, thỉnh thoảng gió thổi thốc từng cơn, những cụm cát tung lên xòa ra trong nắng. Một căn nhà xập xệ chấp lại bằng những miếng tôn cũ trên đó có dòng chữ bằng sơn trắng “Sửa xe, vá ép”, nơi cửa, một ông già ở trần ngồi trên bậc thềm, tay cầm quạt lá, tay kia chống cằm nhìn băng quơ ra con đường nhựa vắng người.

Ngày 1 tháng 5 năm 1972, hàng vạn đồng bào từ Quảng Trị tản cư vào Huế. Cuộc tản cư và rút lui hỗn loạn đã biến đoạn Quốc lộ 1 ở quận Hải Lăng thành con đường xương máu khi quân Bắc Việt phục kích và nã pháo vào đoàn người di tản.

Bao nhiêu xác người đã nằm xuống và con đường hôm nay đều hiu thưa thớt. Ai đã khiêng cát xác họ, ai đã rửa chùi những đồng máu, lau đi những óc não tung bày, ai sắp lại những gan ruột phơi ra trầy trụa, ai đã đạp trên xác họ trên đường chạy loạn rồi gục xuống ở bước chân kẻ tiếp, chông lên người đã chết, người chết sau ngã trên người chết trước. Nhất tướng công thành. Những thường dân vô tội. Những chiến sĩ vô danh. Tôi chưa đến tuổi lính vào những ngày máu lửa đó, vào những ngày máu xương đến phải gọi nó là Đại Lộ Kinh Hoàng. Bây giờ, Đại Lộ Kinh Hoàng mang tên Lê Duẩn. Tôi đang đi trên nó một buổi sáng vắng lặng yên bình, nhưng chợt ớn lạnh từng cơn như vô hạn oan hồn chồm lên quần lay hỏi han. Cơn gió đồng lướt thướt thổi qua.

Tôi trèo lên xe, nói chạy nhanh đi vào thị xã. Tới một ngã ba, người tài xế rẽ phải vào đường Trần Hưng Đạo. Đó là một con đường nhỏ hơn, có một chứng tích duy nhất còn sót lại của thị xã Quảng Trị trong mùa hè đỏ lửa, trường Bò Đề. Người ta nói số bom đạn đổ xuống thị xã trong 81 ngày đêm, kể từ ngày 30 tháng Ba năm 1972, có sức công phá mạnh gấp bảy lần trái bom nguyên tử thả xuống Nhật trong thế chiến hai. “Một viên gạch cũng bể làm tư,” người Quảng Trị nói rứa, chỉ riêng ngôi trường Bò Đề còn đứng vững với bốn bức tường lỗ chỗ vết đạn bom. Đến một ngã tư, lại rẽ phải. Cổ thành Quảng Trị

nằm phía tay trái, cách quốc lộ chừng hai cây số. Ở góc tường đầu tiên, rêu và cây dại mọc dày nhưng các vết đạn xoáy sâu vào lớp gạch tường đỏ đỏ vẫn còn hằn dấu rõ.

Tôi nhớ như in bức ảnh chụp mấy người lính cầm cờ vàng ba sọc đỏ trên cổ thành đổ nát năm nào. Bây giờ người ta cho xây lại phần trên công thành, màu xám xi măng còn rất mới, có vẻ lạc lõng và chênh vênh trên dãy tường thành cũ kỹ. Bên trong thành, một con đường bê tông chạy thẳng từ cổng đến một cái đài cao xây theo hình một nắm mộ lớn, có bốn lối đi dẫn lên đài. Giữa trung tâm đài có một lư hương lớn, và một cái cột cao vút lên dựng bên cạnh một mái nhà mô phỏng một công tam quan.

Tôi đứng trên đài cao nhìn xung quanh. Trừ các con đường nội bộ trong thành, còn lại là bãi cỏ xanh, các ghế đá công viên, ở một khoảng sân người ta trưng bày một hỏa tiễn chống máy bay, một chiếc xe nhà binh của Trung cộng, một cái nhà bảo tàng di tích chiến tranh. Lúc đó có một đám người tụ họp trên đài đang đốt hương. Một anh thợ quay phim đang chĩa ống kính vào một người đang khấn vái, xung quanh ông ta một đám người vây quanh có vẻ kính cẩn. Đó là một quân nhân đầu bạc trắng, ngực mang đầy huy chương, vai mang lon trung tướng. Viên trung tướng cầm nhang xong, đứng huyên thuyên gì đó, có một người đàn ông trọng tuần kính cẩn đứng bên cạnh ông ta ghi ghi chép chép cái gì đó. Viên tướng về hưu bước xuống đài, đầu ngẩng cao kiêu hãnh, mọi người lục tục đi sau.

Tôi đứng lại một mình. Những tường thành như có một luồng khí lạnh tuôn ra làm sồn da. Có tài liệu nói rằng trong trận ác chiến giành lại Cổ thành, Quân đội Việt Nam Cộng Hoà chết gần mười ngàn người, bộ đội cộng sản cũng chết khoảng con số đó. Trong Cổ thành này, xác người có thể sắp bên nhau dày đặc mặt đất trong thành. “Một viên gạch cũng bể làm tư”. Đó là một nhận xét có vẻ đơn giản nhưng thật kinh hoàng. Nhưng giờ đây người ta không coi đó là một trận địa đau khổ và mất mát, những người ở đây coi đó là một chiến thắng. Nếu có mất mát thì đó là cuộc hy sinh của riêng những người thắng trận sau cùng. Mấy năm trước tôi có coi một đoạn phim tài liệu 45 phút do Sở Văn hóa Thông tin Quảng Trị thực hiện với lời bình của Võ Nguyên Thủy, con của đại tướng Võ Nguyên Giáp. Họ chiếu các mũi tiến công của bộ đội cộng sản vào Cổ thành khởi từ ngày cuối của tháng Ba năm 1972, những trận giao tranh ác liệt, các cảnh máy bay B52 rải bom. Khi bộ đội phải bỏ chạy qua bờ Bắc của sông Thạch Hãn, họ bình luận “quân ta tổn thất khá nặng nề”. Mười ngàn người chết nhưng chỉ “khá nặng nề”, và cơ bản thì trận chiến mùa hè 1972 vẫn là “một thắng lợi lớn góp phần vào công cuộc giải phóng miền nam”. Các nhà quân sự cộng sản chỉ cần gây tiếng vang, họ khát danh vọng bất kể mười ngàn lính nằm xuống để đổi lấy 81 ngày đêm giành dứt từng tấc đất một cách tuyệt vọng, bất kể hàng vạn dân thường gục xuống do những màn pháo kích bừa bãi từ trong núi nã xuống Đại Lộ Kinh Hoàng. Những điều đó không được nhắc đến trong cả cuốn phim tài liệu... Chỉ thấy chiến thắng, chiến thắng, và chiến thắng!

Một người bạn chụp hình chuyên nghiệp kể rằng vào đây mà không khấn vái thì khi rửa phim chỉ thấy một màu trắng xóa. Tôi tin điều đó. Trên đài tưởng niệm có một lư hương

rất lớn, nhưng hương đó chỉ dành cho những người thắng trận cuối. Không có một hương chung cho tất cả những linh hồn vô danh lẫn khuất nơi đây, để những người sống có thể thấp hương cầu nguyện cho tất cả, không một ai.

Tôi không thể đốt hương để cắm vào cái hương riêng biệt này. Vì thế tôi chọn cắm một nén hương vào hương không.

Nhà bảo tàng có hai tầng. Từ ngoài cửa chính đi vào có một sảnh chính bề ngang độ sáu, bảy thước, dài chừng mười mấy thước. Cách bức tường cuối sảnh độ một thước người ta dựng một tấm kiếng trong suốt hình vuông. Đằng sau tấm kiếng, sát tường là một ngọn đèn điện được gói bên ngoài một lớp giấy nửa xanh nửa vàng, dưới ngọn đèn chắc có giấu một cái quạt nhỏ thổi ngược lên để lớp giấy màu vàng luôn bay phấp phật như ngọn lửa. Đó là ngọn lửa giả tượng trưng ngọn lửa thiêng. Trên tấm kiếng trong suốt có viết tên các đơn vị bộ đội đã tham gia chiến dịch “giải phóng thành cổ” năm 1972. Viên tướng về hưu đang đứng trước tấm kiếng giảng giải gì đó, khuôn mặt ông ta đỏ gấc, tay chỉ chỉ vào tên các đơn vị bộ đội được ghi theo một thứ tự nào đó từ trên xuống dưới, ông to tiếng nên gân cổ nổi lên từng lần. Thì ra ông tướng về hưu đang kể lại các trận đánh trong Cổ thành, trung đoàn nào đánh trước, sư đoàn nào đánh sau. Rồi ông cố tỏ ra bất mãn trước đám người vây quanh, nói rằng cách ghi tên các đơn vị bộ đội tham gia trận đánh là không đúng. Ông nói rằng đúng ra phải ghi theo thứ tự đơn vị nào vào (chiếm) trước chứ không thể ghi “đại trà” như thế này được. Ông đòi phải tổ chức một “hội thảo khoa học” về vấn đề này.

Tôi đi lên tầng trên. Tầng này trưng bày các hiện vật và hình ảnh các bộ đội đang đánh nhau, sơ đồ Cổ thành, mô hình trận đánh. Trong ngõ ngang chiến tích, đạn, bom, và súng cối đã rỉ sét có một cái bàn vuông nhỏ bên trên lộng kính, phía trong mặt kiếng có hai lá cờ vàng ba sọc đỏ xếp ngay ngắn, một vài món quân trang quân dụng và năm tấm hình căn cước của năm người lính Việt Nam Cộng Hòa. Có một mẫu giấy ghi chú đây là chiến lợi phẩm mà bộ đội tịch thu được trong Cổ thành hồi 1972. Các hiện vật ở tầng này sơ sài, cách trưng bày lộn xộn và thiếu chuyên môn. Không gian trưng bày một trận chiến ác liệt với bao mất mát bị lấn lướt bởi chủ đề chủ đạo “chiến thắng”, biểu tượng qua tấm hình một anh bộ đội ngồi ôm súng cười rất tươi giữa cảnh hoang tàn đổ nát của Cổ thành.

Tôi đi xuống tầng dưới. Ông tướng về hưu vẫn còn thao giảng trước ngọn lửa giả làm ngọn lửa thiêng bất diệt. Ở gần cửa lớn ra vào có một nhà vệ sinh thông với sảnh chính, cách chỗ ông tướng khoảng năm thước. Nhà vệ sinh thông không có cửa nên vào trong vẫn nghe tiếng người nói bên ngoài. Mùi hôi xông lên nghẹt thở khi bước vào căn phòng này, sàn gạch bày nhầy nước bẩn và trơn trượt. Ngay phía trên tường ở ba cái bồn bằng sứ trắng dành cho đàn ông, có một dòng chữ bằng sơn xanh nằm ngang tầm mắt: “Giữ vệ sinh chung xin tiểu ngay vào bồn”. Máy người đang vào nhà vệ sinh đồng loạt áp dụng chiến thuật “đánh nhanh rút gọn”, tất cả im lặng, nghe rõ giọng nói hào sảng của ông tướng về hưu thao thiết vọng vào. Có lẽ các đoàn tham quan trước không quen sống tập thể nên nhà bảo tàng mới phải ghi khẩu hiệu thiết tha như vậy.

Rời Cô thành chúng tôi băng qua sông Thạch Hãn, đến ngã ba rẽ vào Đường số 9. Đường 9 Nam Lào.

Mùa xuân năm 1971 Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 tấn công qua biên giới Lào để phá hủy các căn cứ của Bắc Việt. Trục lộ hành quân chính là Đường số 9 bắt đầu từ hướng cực Đông là thị trấn Đông Hà.

Tôi đã đọc nhiều tài liệu về con đường này, và giờ đây tôi đang đi trên Đường 9, bắt đầu từ thị trấn Đông Hà. Mới hơn 10 giờ sáng nhưng cả thị trấn vắng vẻ như không có nhiều người. Đường 9 Nam Lào bây giờ đã tráng nhựa và khá rộng để hai chiếc xe [vận] tải tránh nhau dễ dàng. Con đường này sẽ qua Cam Lộ, Cà Lu, Khe Sanh, Làng Vei, Lao Bảo cho đến biên giới Lào. Đường 9 Nam Lào chỉ có trong màng tượng từ ký ức qua các tài liệu thời chiến, hình dung các cuộc chuyển quân, những người lính gian khó, các trận đánh dữ dội, những cơn gió Lào oi bức, có những khúc đường hẹp phải dùng xe ủi đất mở đường, cây cối hai bên um tùm. Bây giờ đây trước mắt là một con đường buồn, một thị trấn vắng lặng, những căn nhà hai bên đường không đóng cửa, nhìn suốt vào trong cũng không thấy người. Lời của một bài hát vào năm 1972 vang lên “... anh đã về Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà...”. Dưới ánh nắng trải đều dù không thấy dấu vết sót lại của những ngày chiến tranh khốc liệt, ít nhất cũng như vậy trong cơn mắt dân sự, nhưng từng vùng đất đi qua đều gợi lên ký ức chiến tranh vì nó nổi danh vì chiến tranh, những cái tên ngọt ngào nhưng đau khổ như Cam Lộ, như Khe Sanh. Bây giờ bên phải là núi, bên trái là dòng sông Đak-rông lấp lánh nắng mai ở Cây số 46 của Đường 9 (tính từ đoạn bắt đầu ở thị trấn Đông Hà). Có một cái cầu treo bắc ngang sông giữa hai đầu núi, cầu Đak-rông, đoạn đầu của Đông Trường Sơn. Bên kia cầu là Đường 14A đưa vào A Lưới và A Shầu (người Mỹ đọc là A Shau), đèo Mạ Oi, những quả đồi đầy tan tác thời chiến như Hamburger, Bastone.



Năm 1969 quân đội Hoa Kỳ quyết định mở chiến dịch giải tỏa Thung Lũng A Shau với sự tham dự của nhiều đơn vị Thủy Quân Lục Chiến, Thiết giáp, Không quân, và bộ binh... Tờ mờ sáng ngày 10 tháng Năm/1969, Chiến dịch Apache Snow bắt đầu. Giờ H là 7 giờ 30.

Đã gần giữa trưa, hai bên cầu trẻ con người thiểu số tan học tung tăng đi về hướng A Shau. Tất cả bọn chúng mặc áo quần màu đen, chân đất, nước da đen xoăn khoẻ mạnh nhưng khuôn mặt hốc hác, trông chúng thật ngô nghê và lạc lõng trên con đường tráng nhựa và cây cầu treo đẹp đẽ mới khánh thành. Dưới kia là sông chảy, bên này là núi, bên kia là những ngọn đồi xanh nối nhau dưới bầu trời xanh trong, một con đường láng nhựa, một cột mốc đánh dấu Đường Trường Sơn.

Ngày 9 tháng 2 năm 1968, một tiểu đoàn quân Bắc Việt tấn công Đồi 64 do Thủy Quân Lục Chiến Mỹ trấn giữ, tràn ngập nhiều vị trí phòng thủ.

Ngang Khe Sanh, chúng tôi băng ngang ngã ba dẫn vào căn cứ (quân sự) Khe Sanh để đi thẳng lên Lao Bảo. Khúc đường này đang xây dựng lở dở, bụi đỏ mờ mịt, nhà cửa hai bên đường tràn ngập bụi đỏ. Nắng khô khốc tưởng chừng cả vùng này rất khó tìm ra một giọt nước. Thịnh thoảng các xe đồ mang bằng số Lào chạy ngược chiều chở các đoàn khách du lịch hướng về Quảng Trị. Đến trung tâm chợ biên giới Lao Bảo thì trời đã đứng bóng. Đây là một chợ biên giới gồm một khách sạn khá lớn xây sát sườn chợ gồm hai khu nhà tròn và một khu ăn uống bình dân. Một đứa bé chạy ra mời ăn cơm: “Mi có chi ăn?”. Thằng bé nhanh nhẩu: “Chi cũng có đủ”. Khu ăn uống bình dân chỉ có hai quán bán cơm và toàn thức ăn khô, “có đủ” ba món là cá nục kho, cá ngừ kho, và cà pháo dầm nước mắm. Như vậy cũng đủ ăn một buổi trưa biên giới, mua sắm một ít hàng lậu tuôn từ Lào qua. Mấy tháng trước, tôi mượn một chiếc xuồng ba lá trốn công an biên phòng để vượt biên từ Châu Đốc qua chợ Gò nằm bên kia đất Cam Bốt. Chợ Gò nhộn nhịp, người bán xối lời tỏ rõ phong độ ngang tàng của sông nước miền Nam. Ở Lao Bảo, người bán khô khan ít nói như cái nóng của miền Trung. Cả khu chợ hàng hóa nhiều và trật tự hơn chợ Gò nhưng có cái không khí trầm trầm lặng lẽ. Chúng tôi lên xe chạy ngược về con đường bụi đỏ. Bên trái, những quả đồi nằm chịu trận dưới mặt trời bốc lửa. Đến Làng Vei, nằm nửa đường từ đoạn Lao Bảo – Khe Sanh, chúng tôi ngừng xe để ngắm dòng sông chảy dịu dàng bên dưới.

Rạng sáng ngày 7 tháng 2 năm 1968, bộ đội Bắc Việt có chiến xa yểm trợ tấn công và tràn ngập trại Lực Lượng Đặc Biệt ở Làng Vei.



(one of the few remaining relics on Khe Sanh hill)
một trong ít tàn tích tại Đồi Khe Sanh

Đoạn từ Làng Vei về lại Khe Sanh bằng phẳng, bên trái có vài nương rẫy của đồng bào thiểu số. Chúng tôi băng qua trung tâm Khe Sanh đã qua trưa, ngôi chợ lòng vắng vẻ như cả thị trấn đều ngưng hoạt động, đến ngã ba thì rẽ trái vào Căn cứ (quân sự) Khe Sanh.

Ngày 23 tháng 2 năm 1968, quân Bắc Việt pháo 1,300 quả đại bác vào Khe Sanh trong 8 tiếng đồng hồ. Mười lính Mỹ chết.

Đường đi phi trường Tà Con, một phi trường quân sự của Mỹ thời chiến, hẹp hơn Đường 9 nhưng cũng đã tráng nhựa bằng phẳng. Phi trường nằm cách đường cái chừng cây số, có cổng rào và trạm gác thu phí tham quan. Trên bãi sân ngổn ngang cỏ mọc người ta trưng bày một trực thăng UH và hai trực thăng chuồn chuồn.

Ngày 11 tháng 2 năm 1968, hai vận tải cơ C-130 đáp xuống Khe Sanh. Một chiếc nổ tung vì trúng đạn pháo kích.

Mấy ngày rồi, ngày 25 tháng 4 năm 2005, Bộ Quốc phòng Mỹ nói họ đã xác định được danh tánh bốn quân nhân Mỹ chết trên Đồi 665 vào đầu tháng 5/1967, và hài cốt của bốn người lính này đã được đưa về Mỹ. Sau 37 năm nằm yên trong vùng đất Khe Sanh, bốn quân nhân chết trong độ tuổi 20 đã trở về quê hương, được vinh danh ở Nghĩa trang Quốc gia Arlington. Còn những ngọn Đồi 471, 552, 665, 689... thì vẫn xanh cỏ mọc. Còn bao nhiêu xương cốt của Mỹ, của Nam, của Bắc Việt Nam vùi sâu nơi ấy.

Con đường rời Khe Sanh từ hướng Tây, băng qua đèo Ai Lao để về lại Cam Lộ trông hùng vĩ hơn. Nhiều đoạn đèo đang được thi công nâng cấp, đất cát lộn nhon trộn với bụi đỏ bay mịt trời. Mấy cái cần cầu đang nâng lên hạ xuống ở một cây cầu đang xây mới cạnh chiếc cầu cũ bắc ngang một vực sâu ngay một khúc quanh gắt như cùi chỏ. Đoạn đường này hẹp, nếu có một chiếc xe đi ngược chiều thì không biết tài xế sẽ xoay xở ra

sao. Lấp lánh dưới sâu là dòng nước đã gần cạn trong mùa khô. Trời trong và xanh. Ngang một đoạn đèo gặp một đoàn người đang im lặng đi giữa đường, dẫn đầu là một người đàn ông mặc áo dài màu xanh đậm. Ông này xách một cái phèng la cũ, vừa đi chậm rãi vừa thỉnh thoảng gõ một tiếng “pheeng...”.

Kế đến là bốn người đàn ông gánh một cái quan tài. Một đám tang giữa trưa. Trên quan tài người ta dựng bốn cái cây đứng để chống một tấm nhựa che nắng cho tấm hình của người chết, ảnh một cô gái trẻ để trước quan tài. Những người đưa đám đều để đầu trần, có người đi chân trần trên mặt đường nóng chảy nhựa. Đám tang lặng lẽ nhưng tươm tất dưới mặt trời gay gắt, bóng chiếc quan tài in xuống nền đường che nắng được một vài người đi khép nép ven hông quan tài. Đoàn người đi chậm chậm trên đèo Khe Sanh – Cam Lộ, tiếng phèng la điểm nhịp vang lên rồi tan dần vào vách núi. Một người trẻ hôm nay sắp được chôn. Trong một vùng đất còn nhiều người mất xác.

*Lê Lô,
8/2005*

nguồn: internet eMail by batkhuat nguyen chuyển

*Đăng ngày Thứ Tư, June 4, 2025
tkd Khoá 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*